

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**



---

*Được kiểm toán bởi:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 08 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016</i>	5 - 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	7
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	8
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	9 - 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI Báo cáo của Ban giám đốc**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng *Cho kỳ hoạt động*  
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 *từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**Khái quát chung về Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải**

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP - VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 05/08/2015. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết là 18.711.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán niêm yết là 187.110.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:**

**Hội đồng quản trị:**

1 Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch HĐQT
2 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên
3 Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
4 Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên
5 Bà Đào Kim Phương	Ủy viên
6 Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên
7 Ông Đặng Tiếp	Ủy viên

**Ban Giám đốc:**

1 Ông Lê Quang Huy	Tổng Giám đốc
2 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
3 Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát:**

1 Ông Trần Xuân Trường	Trưởng ban
2 Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
3 Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

**Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Đại diện cho**

**Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải**



**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Lê Thái Cường**

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2016



Số: 137/2016/CPA HANOI - BCKT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

**Kính gửi:**

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 15/07/2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính đã được soát xét, được lập thành 09 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 08 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.468.718.446</b>	<b>80.397.582.453</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>60.220.848.640</b>	<b>65.051.792.424</b>
1.Tiền	111		6.720.848.640	2.051.792.424
2.Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	63.000.000.000
<b>II.Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.319.394.637</b>	<b>14.063.035.816</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.4</b>	1.439.986.033	1.780.191.971
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.500.000	-
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5.1</b>	14.874.908.604	12.282.843.845
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>796.257.484</b>	<b>796.257.484</b>
1.Hàng tồn kho	141		2.296.257.484	2.296.257.484
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
<b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>132.217.685</b>	<b>486.496.729</b>
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8.1</b>	131.786.074	486.496.729
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.611	-
<b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>200</b>		<b>189.068.161.215</b>	<b>186.977.826.356</b>
<b>I.Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.406.789.572</b>	<b>42.482.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	<b>V.2</b>	41.850.282.000	42.482.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.5.2</b>	3.556.507.572	-
<b>II.Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.043.869.223</b>	<b>3.548.701.333</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.7</b>	3.043.869.223	3.548.701.333
- Nguyên giá	222		9.693.877.232	9.693.877.232
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.650.008.009)	(6.145.175.899)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.3</b>	<b>140.585.290.087</b>	<b>140.900.232.227</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		142.036.120.074	143.035.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.450.829.987)	(2.134.887.847)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.212.333</b>	<b>46.892.796</b>
1. Chỉ phí trả trước dài hạn	261	<b>V.8.2</b>	32.212.333	46.892.796
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>266.536.879.661</b>	<b>267.375.408.809</b>

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.960.042.779</b>	<b>10.806.547.255</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.934.042.779</b>	<b>10.806.547.255</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.846.778.838	1.281.062.290
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		86.102.000	28.522.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	152.708.102	513.343.185
4. Phải trả người lao động	314		110.529.115	119.639.395
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	62.016.000	32.357.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	-	491.773.811
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.1	5.300.067.386	8.044.510.034
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.375.841.338	295.339.298
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.026.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12.2	6.026.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>251.576.836.882</b>	<b>256.568.861.554</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>251.576.836.882</b>	<b>256.568.861.554</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		184.608.660.000	184.608.660.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.526.129.900)	(2.526.129.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		647.497.875	477.841.404
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.573.109.407	61.734.790.550
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		38.860.638.884	31.063.192.433
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.712.470.523	30.671.598.117
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>266.536.879.661</b>	<b>267.375.408.809</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VNĐ

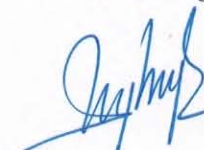
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.845.878.816	9.980.131.337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		7.845.878.816	9.980.131.337
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6.903.566.599	8.682.428.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		942.312.217	1.297.703.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	18.877.648.543	14.788.596.637
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	242.115.975	106.071.964
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		80.000.000	11.531.667
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.585.126.197	1.430.902.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.992.718.588	14.549.325.319
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.992.718.588	14.549.325.319
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	280.248.065	333.266.024
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.712.470.523	14.216.059.295

Người lập biểu



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015
I	2	3	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		8.200.562.637	10.504.477.081
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(6.806.174.060)	(8.580.015.448)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(820.491.434)	(778.295.580)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(80.000.000)	(11.531.667)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(597.278.788)	(378.635.722)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.1	16.001.770.673	13.501.477.628
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.2	(18.536.631.355)	(15.591.580.972)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(2.638.242.327)</i>	<i>(1.334.104.680)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	2.500.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.870.000.000)	(8.242.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.009.718.000	3.540.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		152.826.165	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.486.223.225	8.778.295.626
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>19.978.767.390</i>	<i>6.576.295.626</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	(30.000.000)
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	(1.340.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.1	-	(1.020.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.171.468.847)	(62.063.230)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(22.171.468.847)</i>	<i>(1.113.403.230)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.830.943.784)</b>	<b>4.128.787.716</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>65.051.792.424</b>	<b>8.108.447.776</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-	35.941
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>60.220.848.640</b>	<b>12.237.271.433</b>

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thái Cường

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 187.110.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ một trăm mười triệu đồng).

#### 2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

#### 3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết : vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị ( không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức ( không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ( bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng).
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc.
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hoá đường sắt.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê container.
- Cho thuê xe có động cơ.

#### 4 Các công ty con:

##### 1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Địa chỉ: km104+200, đường Nguyễn Bình Khiêm, P Đông Hải 2, Q Hải An, TP Hải Phòng

##### 2 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

##### 3 Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 212 nhà N3, Lê Văn Lương, Trung Hoà - Nhân Chính, P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4 Công ty TNHH Container Minh Thành

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

5 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

6 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ

Địa chỉ: Lô số 2, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.  
Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.
2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

**III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:  
Chúng tôi, Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:**

**a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài

- chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo

- + tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**      **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng  
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Cho kỳ hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- b *Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.*
  - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
  - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c *Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:*
  - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
    - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
    - + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
  - + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
  - + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
  - + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
  - + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
  - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
    - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
    - + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
  - + Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.
  - Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

## 2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng ( không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:*

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

## 4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

*Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:*

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## 5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

*Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

*Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:*

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua ( trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

322  
G  
M  
H  
A  
N  
A  
N  
O  
I  
T.P

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

## 8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp ( hoặc lỗ tính thuế ) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

## 9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm

- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

#### **10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

*Nguyên tắc ghi nhận:* Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

#### **11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả. Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

#### **12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.



Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

#### **14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

#### **15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

#### **16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
  - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
  - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính ( nếu lãi) hoặc chi phí tài chính ( nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

#### **17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:**

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

**18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo ( kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

100%  
CỔ  
M  
KẾ  
H  
M.A

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

## **20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

## **21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá ( chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	157.730.786	63.622.991
Tiền gửi Ngân hàng	6.563.117.854	1.988.169.433
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>6.563.117.854</i>	<i>1.988.169.433</i>
NH TM CP Công Thương VN - CN Ngô Quyền HP	6.483.749	229.507.490
NH Liên Doanh Việt Nga CN Hải Phòng	5.768.536	105.374.757
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Hải Phòng	6.550.865.569	1.653.287.186
<i>Tiền gửi Ngân hàng USD</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>53.500.000.000</b>	<b>63.000.000.000</b>
Gửi tiết kiệm NH BIDV- CN Đông Hải Phòng	53.500.000.000	20.000.000.000
Gửi tiết kiệm NH liên doanh Việt Nga-CN Hải Phòng	-	43.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.220.848.640</b>	<b>65.051.792.424</b>
2. Phải thu cho về cho vay	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu về cho vay các bên liên quan	41.850.282.000	42.482.000.000
<i>a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>b Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	<i>41.850.282.000</i>	<i>42.482.000.000</i>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (1)	18.300.282.000	26.182.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành (2)	23.550.000.000	15.550.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.850.282.000</b>	<b>42.482.000.000</b>

(1) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải theo hợp đồng số 01/HDCV/2016 ngày 01/01/2016 lãi suất cho vay 4%/năm. Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải dùng khoản vay này để mua sắm dàn xe container và phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Container Minh Thành theo hợp đồng vay số 02/HDCVV/2016 ngày 01/01/2016, lãi suất cho vay 4%/năm. Công ty con dùng nguồn vay này để phục vụ sản xuất kinh doanh và sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

TT	Đầu tư công ty con	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
		Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%	45.655.576.172	-	45.655.576.172	99,68%	45.655.576.172		45.655.576.172
2	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	99,35%	14.503.099.339		14.503.099.339	99,35%	14.503.099.339		14.503.099.339
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	99,00%	32.867.444.563		32.867.444.563	99,00%	32.867.444.563		32.867.444.563
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	100,00%	6.500.000.000		6.500.000.000	100,00%	6.500.000.000		6.500.000.000
5	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	100,00%	2.520.000.000	(1.450.829.987)	1.069.170.013	100,00%	2.520.000.000	(1.318.046.521)	1.201.953.479
6	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	0,00%	-	-	-	100,00%	999.000.000	(816.841.326)	182.158.674
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	99,9%	39.990.000.000		39.990.000.000	99,9%	39.990.000.000		39.990.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>142.036.120.074</b>	<b>(1.450.829.987)</b>	<b>140.585.290.087</b>		<b>143.035.120.074</b>	<b>(2.134.887.847)</b>	<b>140.900.232.227</b>

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>1.439.986.033</b>	<b>-</b>	<b>1.780.191.971</b>	<b>-</b>
<i>a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>1.329.243.765</i>	<i>-</i>	<i>1.708.638.201</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH S5 ASIA	573.241.484	-	621.781.892	-
Công ty TNHH vận tải và Đầu tư Xe Hường	-	-	220.000.000	-
Công ty Liên doanh đại lý vận tải EVERGREEN VN	141.637.023	-	77.869.838	-
CN Công ty TNHH KMTC Việt Nam tại Hải Phòng	219.867.160	-	1.267.875	-
Công ty CP Kinh doanh CBLS xuất khẩu Yên Bái	135.552.890	-	160.988.500	-
Phải thu các khách hàng khác	258.945.208	-	626.730.096	-
<i>b Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>110.742.268</i>	<i>-</i>	<i>71.553.770</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-	61.600.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	110.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	742.268	-	9.953.770	-
<b>Cộng</b>	<b>1.439.986.033</b>	<b>-</b>	<b>1.780.191.971</b>	<b>-</b>
<b>5. Phải thu khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>5.1 Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>14.874.908.604</b>	<b>-</b>	<b>12.282.843.845</b>	<b>-</b>
<i>a Phải thu khác - TK 138</i>	<i>14.870.408.604</i>	<i>-</i>	<i>11.550.992.273</i>	<i>-</i>
<i>a1 Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>235.963.203</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Minh Phương	-	-	235.614.918	-
Các đối tượng khác	-	-	348.285	-
<i>a2 Phải thu khác các bên liên quan</i>	<i>14.870.408.604</i>	<i>-</i>	<i>11.315.029.070</i>	<i>-</i>

-	<i>Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<b>6.073.731.321</b>	-	<b>8.647.589.070</b>	-
	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	1.923.643.490	-	3.344.990.500	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	-	1.450.274.300	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.751.351.385	-	2.415.772.761	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	204.484.865	-	252.642.112	-
	Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	194.251.581	-	1.183.909.397	-
-	<i>Phải thu lãi vay, gốc vay</i>	<b>8.335.161.283</b>	-	<b>229.530.000</b>	-
	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	66.983.504	-	127.668.333	-
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	29.022.223	-	21.520.000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	8.239.155.556	-	80.341.667	-
-	<i>Phải thu khác</i>	<b>461.516.000</b>	-	<b>2.437.910.000</b>	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	292.171.000	-	2.327.085.000	-
	Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	169.345.000	-	110.825.000	-
<b>b</b>	<i>Phải thu về tạm ứng</i>	<b>4.500.000</b>	-	<b>731.851.572</b>	-
<b>5.2</b>	<b>Phải thu khác dài hạn</b>	<b>3.556.507.572</b>	-	-	-
<b>a</b>	<i>Phải thu khác - TK 138</i>	<b>3.492.000.000</b>	-	-	-
-	<i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	-	-	-	-
-	<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<b>3.492.000.000</b>	-	-	-
	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	2.472.000.000	-	-	-
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.020.000.000	-	-	-
<b>b</b>	<i>Phải thu về tạm ứng</i>	<b>64.507.572</b>	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>18.431.416.176</b>	-	<b>12.282.843.845</b>	-
<b>6.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
		<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	Hàng hóa	2.296.257.484	(1.500.000.000)	2.296.257.484	(1.500.000.000)
	<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2.296.257.484</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	<b>2.296.257.484</b>	<b>(1.500.000.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

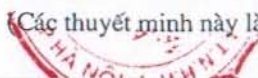
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
Số dư đầu kỳ	-	31.348.182	9.618.801.776	43.727.274	9.693.877.232
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	-	31.348.182	9.618.801.776	43.727.274	9.693.877.232
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	-	31.348.182	6.078.117.107	35.710.610	6.145.175.899
- Khấu hao trong kỳ			500.459.382	4.372.728	504.832.110
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	-	31.348.182	6.578.576.489	40.083.338	6.650.008.009
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	3.540.684.669	8.016.664	3.548.701.333
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	3.040.225.287	3.643.936	3.043.869.223





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
<b>8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>131.786.074</b>	<b>486.496.729</b>		
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.587.752	19.190.773		
Chi phí thuê văn phòng		467.185.120		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.198.322	120.836		
<b>8.2 Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>32.212.333</b>	<b>46.892.796</b>		
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	31.028.877	45.043.256		
Dịch vụ mua ngoài	1.183.456	1.849.540		
<b>9. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>		
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.846.778.838</b>	<b>1.281.062.290</b>		
<b>a Phải trả người bán không là các bên liên quan</b>	<b>123.410.000</b>	<b>35.550.122</b>		
<b>b Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.723.368.838</b>	<b>1.245.512.168</b>		
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	71.203.000	32.054.000		
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	949.905.855	713.904.097		
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	702.259.983	499.554.071		
<i>Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán</i>				
<b>10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế GTGT	46.047.673	707.091.694	753.139.367	-
Thuế TNDN	458.943.140	280.248.065	597.278.788	141.912.417
Thuế TNCN	8.352.372	983.627.250	981.183.937	10.795.685
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>513.343.185</b>	<b>1.973.967.009</b>	<b>2.334.602.092</b>	<b>152.708.102</b>
<b>11. Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>		
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>				
Tiền hoa hồng nâng hạ phải trả	62.016.000	32.357.000		
<b>Cộng</b>	<b>62.016.000</b>	<b>32.357.000</b>		
<b>12. Các khoản phải trả khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>		
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>5.300.067.386</b>	<b>8.044.510.034</b>		
Bảo hiểm xã hội	9.646.000	-		
Bảo hiểm Y Tế	1.669.500	-		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

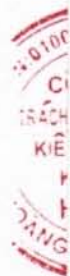
\* Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Bảo hiểm thất nghiệp	742.000	-
Cổ tức lợi nhuận phải trả	604.792.450	532.433.850
Phải trả quỹ khen thưởng	904.733.298	1.476.445.569
Phải trả , phải nộp khác	24.934.000	35.630.615
Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	6.000.000.000
Phải trả Công ty TNHH sản xuất và TM Duyên Hải	3.753.550.138	
<b>12.2 Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>6.026.000.000</b>	<b>-</b>
Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	6.000.000.000	-
Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn	26.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.326.067.386</b>	<b>8.044.510.034</b>
<b>13. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Doanh thu nhận trước		491.773.811
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>491.773.811</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng  
 Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**14. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	140.300.000.000	11.874.859.500	(2.524.789.900)	337.506.100	59.270.435.240	209.258.010.940
- Tăng vốn trong năm trước	46.810.000.000		(1.340.000)			46.808.660.000
- Lãi trong năm trước					30.671.598.117	30.671.598.117
- Tăng khác		4.954.500.000		140.335.304		5.094.835.304
- Giảm vốn vốn năm trước		6.890.000.000				6.890.000.000
- Giảm khác năm trước		167.000.000			28.207.242.807	28.374.242.807
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	187.110.000.000	9.772.359.500	(2.526.129.900)	477.841.404	61.734.790.550	256.568.861.554
<b>3. Số dư đầu kỳ này</b>	187.110.000.000	9.772.359.500	(2.526.129.900)	477.841.404	61.734.790.550	256.568.861.554
- Tăng vốn trong kỳ						-
- Lãi trong kỳ					17.712.470.523	17.712.470.523
- Tăng khác				169.656.471	-	169.656.471
- Giảm vốn trong kỳ						-
- Giảm khác trong kỳ					22.874.151.666	22.874.151.666
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	187.110.000.000	9.772.359.500	(2.526.129.900)	647.497.875	56.573.109.407	251.576.836.882

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động  
 Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông	184.608.660.000	184.608.660.000
Cổ phiếu quỹ	2.501.340.000	2.501.340.000
<b>Cộng</b>	<b>187.110.000.000</b>	<b>187.110.000.000</b>

C. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN- UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/04/2015

Số lượng chứng khoán chào bán :	3.303.000	cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán (11.500 đồng/CP)	37.984.500.000	đồng
Chi phí phát hành cổ phiếu	142.000.000	đồng
Tổng số lượng vốn huy động từ đợt chào bán	37.842.500.000	đồng
Ngày hoàn thành đợt chào bán	24/07/2015	

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán Công ty đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng NH BIDV- CN Đông Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 02/HĐTĐ ngày 02/06/2016 số tiền: 6.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 09/HĐTĐ ngày 09/06/2016 số tiền: 30.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 16/HĐTĐ ngày 16/06/2016 số tiền: 7.500.000.000 đồng
- Hợp đồng số 11/HĐTĐ ngày 22/06/2016 số tiền: 10.000.000.000 đồng

**D. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	Kỳ này	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	187.110.000.000	140.300.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	46.810.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	187.110.000.000	187.110.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>22.243.827.448</b>	<b>20.369.015.830</b>
Cổ đông công ty mẹ	22.153.039.200	20.306.952.600
Cổ đông thiểu số	90.788.248	62.063.230

Đ. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.460.866	18.460.866
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.460.866</i>	<i>18.460.866</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250.134	250.134
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>250.134</i>	<i>250.134</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.460.866	18.460.866
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.460.866</i>	<i>18.460.866</i>
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Cổ tức	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	12%

F. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	647.497.875	477.841.404

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu Shipline	789.281.070	773.214.438
Doanh thu khai thác CFS	93.203.242	965.641.243
Doanh thu bãi	4.067.242.443	3.342.198.729
Doanh thu vận tải	283.790.909	451.344.544
Doanh thu thương mại, dịch vụ	2.612.361.152	4.447.732.383
<b>Cộng</b>	<b>7.845.878.816</b>	<b>9.980.131.337</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Giá vốn shipline	719.586.597	736.853.206
Giá vốn khai thác CFS	88.543.080	917.359.183
Giá vốn bãi	3.885.384.856	2.993.794.655
Giá vốn vận chuyển	190.108.181	292.218.634
Giá vốn thương mại dịch vụ	2.019.943.885	3.742.202.474
<b>Cộng</b>	<b>6.903.566.599</b>	<b>8.682.428.152</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lãi tiền gửi tiết kiệm, cho vay	2.277.113.774	1.745.843.059
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	35.941
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.056.503	8.237.879
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.591.478.266	13.034.479.758
<b>Cộng</b>	<b>18.877.648.543</b>	<b>14.788.596.637</b>
<b>5. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí lãi vay	80.000.000	11.531.667
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	162.115.975	94.540.297
<b>Cộng</b>	<b>242.115.975</b>	<b>106.071.964</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí nhân viên quản lý	786.062.654	747.815.633
Chi phí KH TSCĐ	33.744.432	38.969.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	661.172.111	189.204.280
Chi phí QLDN khác	104.147.000	454.913.496
<b>Cộng</b>	<b>1.585.126.197</b>	<b>1.430.902.539</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2016 đến	Từ 01/01/2015 đến
	30/06/2016	30/06/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.992.718.588	14.549.325.319
Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế	(16.591.478.266)	(13.034.479.758)
<i>Điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>	16.591.478.266	13.034.479.758
Cổ tức lợi nhuận được chia	16.591.478.266	13.034.479.758
Tổng lợi nhuận chịu thuế	1.401.240.322	1.514.845.561
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	280.248.065	333.266.024
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2016 đến	Từ 01/01/2015 đến
	30/06/2016	30/06/2015
Chi phí nguyên vật liệu	14.800.000	758.217.940
Chi phí nhân viên	786.062.654	747.815.633
Chi phí khấu hao TSCĐ	504.832.110	527.199.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.078.851.032	7.890.893.160
Chi phí bằng tiền khác	104.147.000	189.204.280
<b>Cộng</b>	<b>8.488.692.796</b>	<b>10.113.330.691</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Từ 01/01/2016 đến
	30/06/2016
	VND
<b>1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.001.770.673</b>
Thu ký quỹ, ký cược	20.000.000
Thu lại tạm ứng	2.125.339.000
Thu thuế TNCN	175.195.305
Thu khác	13.681.236.368
<b>2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>18.536.631.355</b>
Chi khen thưởng, phúc lợi	565.600.000
Chi tạm ứng	1.462.495.000
Nộp thuế TNCN, môn bài	984.183.937
Chi nộp thuế GTGT	169.324.784
Chi nộp bảo hiểm XH, y tế...	67.762.500
Chi các khoản từ lợi nhuận sau thuế	291.011.277
Chi khác	14.996.253.857

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Công cụ tài chính**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	60.220.848.640	60.220.848.640
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	16.319.394.637	16.319.394.637

**Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại 30/06/216	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	1.846.778.838	-	1.846.778.838
Các khoản phải trả khác	5.300.067.386	6.026.000.000	11.326.067.386
Chi phí phải trả	62.016.000	-	62.016.000
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường ( bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

**2. Thông tin về các bên liên quan khác**

**2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải

**Mối quan hệ**

Công ty con

Công ty con

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

0100  
C  
T  
K  
H  
T

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần hàng hải MACS	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông lớn

**2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	33.815.101	20.820.772
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	61.782.674	44.270.502
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	165.759.088	413.269.462
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	616.375.322	614.900.558
Công ty TNHH MTV Vận Tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.340.667	1.809.418
Công ty TNHH Container Minh Thành	2.657.796	792.992.314
<b>Cộng</b>	<b>881.730.648</b>	<b>1.888.063.026</b>

**2.3. Mua hàng hóa dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	2.938.710.217	2.604.188.948
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	1.838.109.934	2.614.985.787
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	167.390.000	266.525.000
<b>Cộng</b>	<b>4.944.210.151</b>	<b>5.485.699.735</b>

**2.4. Cổ tức lợi nhuận được chia**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.865.996.722	2.034.896.350
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5.819.299.692	5.956.204.774
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.021.881.780	1.986.347.902
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	7.579.059.638	2.931.806.201
Công ty TNHH Container Minh Thành	305.240.434	125.224.531
<b>Cộng</b>	<b>16.591.478.266</b>	<b>13.034.479.758</b>

**2.5. Các khoản phải thu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>a Phải thu cho vay</b>		
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	18.300.282.000	26.182.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	23.550.000.000	15.550.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	750.000.000
<b>b Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	-	61.600.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	110.000.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	742.268	9.953.770
--	---------	-----------

**c Phải thu khác**

*Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia*

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	1.923.643.490	3.344.990.500
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	1.450.274.300
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.751.351.385	2.415.772.761
Công ty TNHH Container Minh Thành	204.484.865	252.642.112
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	194.251.581	1.183.909.397

*Phải thu khác ngắn hạn*

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	66.983.504	127.668.333
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	29.022.223	21.520.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	8.239.155.556	80.341.667
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	292.171.000	2.327.085.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	169.345.000	110.825.000

*Phải thu khác dài hạn*

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	2.472.000.000	-
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.020.000.000	-

<b>Cộng</b>	<b>60.323.432.872</b>	<b>53.868.582.840</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

**2.7. Các khoản phải trả**

Tại ngày 30/06/2016    Tại ngày 01/01/2016

*Phải trả người bán*

Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	71.203.000	32.054.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	949.905.855	713.904.097
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	702.259.983	499.554.071

*Phải trả khác ngắn hạn*

Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	6.000.000.000
Phải trả Công ty TNHH sản xuất và TM Duyên Hải	3.753.550.138	

*Phải trả khác dài hạn*

Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	6.000.000.000	-
---	---------------	---

<b>Cộng</b>	<b>11.476.918.976</b>	<b>7.245.512.168</b>
-------------	-----------------------	----------------------

**2.8 Thu nhập HĐQT và BKS**

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016    Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Thu nhập và thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và BKS	807.734.084	833.327.268
--	-------------	-------------

**3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI** Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ xuất tàu Shipline, dịch vụ kho CFS, dịch vụ bãi và cho thuê bãi.

Kinh doanh thương mại: Bán hàng hoá, thành phẩm...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	5.233.517.664	4.883.622.714	349.894.950
Kinh doanh thương mại	2.612.361.152	2.019.943.885	592.417.267
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.585.126.197)
<b>Cộng</b>	<b>7.845.878.816</b>	<b>6.903.566.599</b>	<b>(642.813.980)</b>

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 và ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

**6. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập biểu



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2016



Lê Thái Cường